TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2019/HNGĐ-PT
Ngày 07/11/2019
V/v chia tài sản chung sau ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nguyệt
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Hồng
Bà Lê Thị Vân

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Anh Thi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa***: Ông Ngô Đình Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2019/TLPT-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2019 về việc xin ly hôn.

Do Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 33/2019/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 268/2019/QĐ-PT ngày 14 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Văn D, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn Đ1, xã LĐ, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng

Bị đơn: Chị Vũ Thị Thanh T, sinh năm 1988.

Nơi đăng ký HKTT: Thôn Đ1, xã LĐ, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng.

Địa chỉ: BN ấp N 1, xã QT, huyện TN, tỉnh Đồng Nai.

Người kháng cáo: Anh Trần Văn D – Nguyên đơn

(Các đương sự có mặt tai phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm,

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/01/2019 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn anh Trần Văn D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh D và chị T chung sống với nhau từ tháng 10/2016, có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 03 tháng do anh trai của chị T mai mối giới thiệu. Việc chung sống là tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và được hai bên

gia đình đồng ý. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện TN, tỉnh Đồng Nai ngày 22/9/2016.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Theo anh D do chị T không chăm lo cho gia đình, không chia sẻ công việc với chồng, hay kiếm cớ gây sự dẫn đến vợ chồng bất hòa. Mỗi lần cãi vã thì chị T bỏ về nhà mẹ đẻ tại Đồng Nai sống. Từ khi kết hôn đến đầu năm 2019 chị T bỏ về nhà mẹ đẻ 04 lần, mỗi lần khoảng 03-04 tháng, anh D xuống đón mới chịu về nhà. Mâu thuẫn trầm trọng từ tháng 12/2018 vợ chồng bàn bạc công việc, làm ăn nhưng không thống nhất, nên xảy ra cãi vã, chị T bỏ về nhà cha mẹ ở đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên anh D yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh và chị T được ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có một con chung tên là Trần Vũ Thiên K, sinh ngày 16/02/2018. Từ khi vợ chồng ly thân thì chị T mang theo con về sinh sống tại nhà mẹ đẻ. Anh D có xuống thăm con một vài lần nhưng bị gia đình chị T chửi bới xúc phạm, ngăn cản việc thăm con. Tháng 5/2019 anh D xuống đưa con về chăm sóc nuôi dưỡng cho đến nay. Ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Lý do anh D trình bày anh có công việc làm, có tài sản, có khả năng chăm sóc con, hiện nay chị T không có việc làm sống phụ thuộc vào bố mẹ, không biết cách nuôi dưỡng con nên không đảm bảo cho con.

Về tài sản chung: Anh và chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 28/6/2019 và các lời khai khác tại Tòa án, bị đơn chị Vũ Thị Thanh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T thừa nhận về thời gian tìm hiểu, đám cưới và đăng ký kết hôn như anh D trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường. Khi chị mang thai, do thai yếu nên chị về nhà mẹ đẻ để dưỡng thai thì anh D gây chuyện, chửi bới chị và gia đình bên vợ. Sau đó vợ chồng về tiếp tục sống chung nhưng anh D vẫn thường hay gây sự với mẹ con chị. Từ tháng 01/2019 chị T đưa con về nhà mẹ đẻ sinh sống cho đến nay. Chị xác định không còn tình cảm với anh D nên đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Trần Vũ Thiên K, sinh ngày 16/02/2018. Từ tháng 01/2019 vợ chồng sống ly thân thì chị là người trực tiếp nuôi con. Tháng 5/2019 anh D xuống thăm con và nói đưa con đi chơi, sau đó tự ý đưa con về nuôi đến nay. Chị T lên thăm và yêu cầu được đưa con về chăm sóc vì con đang còn bú sữa mẹ nhưng anh D không cho thăm con. Đến nay chị T vẫn chưa đưa được con về, không biết tình hình hiện tại của con như thế nào. Ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con, chị có việc làm và thu nhập ổn định nên không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị T trình bày chị và anh D tự thỏa thuận về tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 33/2019/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Văn D đối với bị đơn chị Vũ Thị Thanh T về việc *"Xin ly hôn"*.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Trần Văn D và chị Vũ Thị Thanh T được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung là Trần Vũ Thiên K, sinh ngày 16/02/2018 cho chị Vũ Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh Trần Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Anh Trần Văn D và chị Vũ Thị Tranh T tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 19/8/2019, anh D kháng cáo yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung.

Tại phiên tòa hôm nay: Anh D vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, chị T không đồng ý với kháng cáo của anh D, đề nghị giải quyết như án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại giai đoạn phúc thẩm cũng như tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, nêu quan điểm đề nghị: Không chấp nhận kháng cáo của anh D. Căn cứ khoản 1, Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Anh D và chị T chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa anh D và chị T là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, anh D có đơn khởi kiện xin ly hôn với chị T. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp *"Xin ly hôn"* là đúng quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân, tài sản chung và nợ chung: Sau khi xét xử sơ thẩm các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của anh D yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung thấy rằng:

Theo hồ sơ thể hiện: Khi vợ chồng sống ly thân chị T là người trực tiếp nuôi con. Tháng 5/2019 anh D xuống thăm con và tự ý đưa con về Lộc Đức, Bảo Lâm nuôi, không được sự đồng ý của chị T. Xét thấy, cháu T còn nhỏ (dưới 36 tháng) lại là con gái nên rất cần được mẹ chăm sóc. Chị T có chỗ ở, việc làm và thu nhập ổn định, đủ điều kiện để nuôi con. Chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của vụ án, giao con chung là Trần Vũ Thiên K, sinh ngày 16/02/2018 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của anh D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên anh D phải chịu án phí Hôn nhân gia đình phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Trần Văn D. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Trần Văn D và chị Vũ Thị Thanh T được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung là Trần Vũ Thiên K, sinh ngày 16/02/2018 cho chị Vũ Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh Trần Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung: Anh Trần Văn D và chị Vũ Thị Tranh tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Anh D phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0012779 ngày 24/01/2019 và số tiền 300.000đ theo biên lai thu số AA/2016/0013138 ngày 17/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm. Anh D đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 – Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 – Luật thi hành án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TANDCC;
- VKSND tỉnh LĐ;
- TAND huyện Bảo Lâm (02);
- Phòng KTNV&THA
- Các đương sự;
- Lưu AV - HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Vũ Thị Nguyệt